

Bản án số: 170 /2019/HC-PT
Ngày 12 tháng 4 năm 2019
V/v Yêu cầu hủy quyết định bồi thường,
hỗ trợ, tái định cư

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Minh.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 238/2018/TLPT-HC ngày 29 tháng 05 năm 2018 về việc “Yêu cầu hủy quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 61/2018/HC-ST ngày 06/03/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 280/2019/QĐPT ngày 18 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Châu Hoàng T, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: ấp 5, xã A, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Bảo Q (có mặt)

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Phước Tr - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An. (có mặt)

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn A.

Địa chỉ trụ sở chính: Quốc lộ 1A, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trầm Cẩm L - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn M, sinh năm: 1963; (vắng có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường L1, Phường 8, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

*** Người kháng cáo:** Ông Châu Hoàng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 18/01/2017, Ủy ban nhân dân huyện T (UBND huyện T) ban hành Quyết định 382/QĐ-UBND với nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do thu hồi đất của ông Châu Hoàng T để thực hiện dự án hạ tầng khu công nghiệp A. Tổng cộng số tiền bồi thường là 1.492.934.457đ, ông T đã nhận tiền bồi thường xong. Ông T không đồng ý giá trị bồi thường vì giá trị đất chưa đúng với thực tế, chưa xem xét vị trí đất và các khoản hỗ trợ khác chưa đúng quy định của pháp luật hiện hành. Do đó, ông Châu Hoàng T khởi kiện yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định 382/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND huyện T để ban hành quyết định bồi thường theo đúng quy định pháp luật.

Người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện T do ông Trịnh Phước Tr đại diện theo ủy quyền trình bày ý kiến như sau:

Thực hiện chủ trương thu hồi đất để đầu tư hạ tầng khu công nghiệp A, UBND huyện T đã thực hiện các thủ tục theo quy định và thực hiện kê biên, áp giá, ban hành các quyết định bồi thường cho các hộ dân có đất và tài sản trên đất trong khu công nghiệp A. Trong quá trình ban hành quyết định thu hồi đất năm 2008 và quyết định bồi thường, các hộ dân trong đó có hộ ông T đã khiếu nại và Tòa án nhân dân các cấp tỉnh Long An giải quyết và đã tuyên hủy các quyết định bồi thường đối với 82 hộ dân trong đó có hộ ông T. Đến ngày 12/01/2017 Ủy ban nhân dân tỉnh Long An (UBND tỉnh Long An) ban hành Quyết định 148/QĐ-UBND về việc phê duyệt lại hệ số điều chỉnh đơn giá đất bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng xây dựng khu công nghiệp A trên địa bàn xã A, huyện T. Ngày 18/01/2017, UBND huyện T ban hành Quyết định số 353/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư cho từng hộ. Theo đó, UBND huyện T ban hành Quyết định 382/QĐ-UBND với nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do thu hồi đất của ông T để thực hiện dự án hạ tầng khu công nghiệp A. Tổng cộng số tiền bồi thường là 1.492.934.457đ (mức bồi thường nhận năm 2007 là 668.174.382đ), ông T đã nhận đủ số tiền bồi thường. UBND huyện T xác định đã thực hiện bồi thường đúng theo quy định pháp luật nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Châu Hoàng T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH A do ông Trần Văn M đại diện theo ủy quyền có ý kiến trình bày:

Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bản án hành chính sơ thẩm số 61/2018/HC-ST ngày 06/03/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32 và Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 74, Điều 75, Điều 83 và Điều 86 Luật đất đai; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Hoàng T về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân huyện T.

Quyết định 382/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND huyện T ban hành là đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 06/03/2018, ông Châu Hoàng T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu chấp nhận nội dung đơn kiện, hủy quyết định số 382 ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T, Tỉnh Long An.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Người bị kiện giữ nguyên yêu cầu như tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định về tố tụng. Án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án hành chính đúng trình tự thủ tục. Về nội dung giữ nguyên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm. Ông Châu Hoàng T kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ mới nào, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Châu Hoàng T kháng cáo trong thời hạn luật định nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

Xét tính hợp pháp của Quyết định số 382 ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

[2.1] Hội đồng xét xử xét cấp sơ thẩm nhận định:

Thực hiện dự án khu công nghiệp A, UBND huyện T đã ban hành các quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường cho các hộ dân trong đó có hộ ông T từ năm 2007-2008. Các quyết định bồi thường của UBND huyện T chưa đúng quy định pháp luật được Tòa án nhân dân các cấp tỉnh Long An giải quyết đã tuyên hủy các Quyết định bồi thường số 2238/QĐ-UBND ngày 19/10/2007, Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 và Quyết định số 3522/QĐ-UBND ngày

14/6/2013 của UBND huyện T đối với ông T. Đến ngày 12/01/2017 UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định 148/QĐ-UBND về việc phê duyệt lại hệ số điều chỉnh đơn giá đất bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng xây dựng khu công nghiệp A trên địa bàn xã A, huyện T. Ngày 18/01/2017, UBND huyện T ban hành Quyết định số 353/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư cho từng hộ. Theo đó, UBND huyện T ban hành Quyết định 382/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 với nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do thu hồi đất của ông T để thực hiện dự án hạ tầng khu công nghiệp A. Tổng cộng số tiền bồi thường là 1.492.934.457đ (mức bồi thường nhận năm 2007 là 668.174.382đ), ông T đã nhận đủ số tiền bồi thường. Do đó, về thẩm quyền và trình tự ban hành Quyết định 382/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND huyện T là hoàn toàn đúng trình tự và thẩm quyền theo quy định của khoản 2 Điều 66 và Điều 69 Luật đất đai năm 2013.

Về yêu cầu xem xét giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp và đất thổ cư: Xét thấy, UBND huyện T có đề xuất trưng cầu Công ty thẩm định giá Miền Nam để xác định giá trị đất trên thị trường trong điều kiện bình thường theo thời điểm bồi thường cho ông T và được UBND tỉnh Long An họp dân, niêm yết và phê duyệt theo Quyết định 148/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 là hoàn toàn phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật đất đai năm 2013. Việc ông T cho rằng UBND huyện T áp giá không đúng quy định pháp luật nhưng không có căn cứ chứng minh nên không xem xét chấp nhận. Bởi lẽ, ông T đưa ra bản thẩm định của Công ty định giá định giá trị đất của cá nhân (ông Lê Văn Th) và một số hợp đồng chuyển nhượng đất cũng không thể căn cứ làm cơ sở cho việc áp giá bồi thường theo yêu cầu của ông T. Dù ông T viện dẫn Nghị định 197/2004/NĐ-CP nhưng chính khoản 1 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 và khoản 2 Nghị định 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ quy định đất xây dựng chu công nghiệp do Nhà nước thu hồi và giá đất để tính bồi thường là giá đất do UBND tỉnh quy định hằng năm. Trường hợp giá đất này chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường thì UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định giá đất cho phù hợp. Vì vậy, người khởi kiện cho rằng UBND huyện T không tạo điều kiện cho hộ dân có đất bị thu hồi được thỏa thuận với chủ đầu tư là không có cơ sở chấp nhận. Hơn nữa, thời điểm bồi thường thì Nghị định 197/2004/NĐ-CP không còn hiệu lực nên UBND huyện Tru căn cứ Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 là hoàn toàn phù hợp. Và mức giá của UBND huyện T áp dụng cũng cao hơn mức giá đất được UBND tỉnh Long An quy định hằng năm tại thời điểm bồi thường.

Về yêu cầu xem xét giá trị tài sản trên đất, ông T cho rằng khi bồi thường thì hơn 10 năm từ khi thu hồi đến nay tài sản không còn nên việc áp giá là không còn chính xác. Tuy nhiên, người bị kiện khẳng định việc xác định tài sản theo Biên bản kiểm kê năm 2007 đến nay áp dụng bảng giá theo quy định tại Quyết định 57/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 quy định đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An và Quyết định 58/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của UBND tỉnh Long An quy định đơn giá xây dựng mới loại nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và đơn giá mô mã trên

địa bàn tỉnh Long An là hoàn toàn phù hợp pháp luật và hoàn toàn có lợi cho ông T. Do đó, yêu cầu khởi kiện về giá trị tài sản là không có căn cứ xem xét chấp nhận.

Về yêu cầu xem xét các khoản hỗ trợ khác, ông T xác định mức hỗ trợ di dời 10.000.000 đồng là thấp, không đủ chi phí thuê vận chuyển và thuê tháo dỡ di dời. Ngoài ra, mức hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp 0,4 là quá thấp so với quy định của Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ. Xét thấy, mức hỗ trợ di dời và mức hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp được UBND huyện T áp dụng trên cơ sở Quyết định 148/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 và Quyết định 56/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 quy định bồi thường trên toàn địa bàn tỉnh Long An hoàn toàn phù hợp quy định Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Các khoản hỗ trợ trên không do UBND huyện T tự quyết định mà phải căn cứ trên sự phê duyệt của UBND tỉnh Long An và mức 0,4 do UBND tỉnh Long An quy định trên toàn địa bàn tỉnh Long An cũng không trái luật. Bởi lẽ, quy định của Chính phủ mức hỗ trợ không quá 5 lần mà không quy định mức tối thiểu nên Hội đồng xét xử không thể chấp nhận yêu cầu này của người khởi kiện.

Về yêu cầu xem xét đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư thì căn cứ vào bản đồ quy hoạch chi tiết xã A thì vị trí đất nông nghiệp của ông T không phải là đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư, không có quy hoạch khu dân cư, không có phê duyệt khu dân cư của cấp có thẩm quyền. Do đó, UBND huyện T không xem xét hỗ trợ cho ông T như trường hợp đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư là hoàn toàn có căn cứ.

Về yêu cầu xem xét giá nền tái định cư, ông T xác định giá bán nền tái định cư của nhà đầu tư thay đổi mà không áp dụng giá phê duyệt bán nền năm 2008 là ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Người bị kiện xác định giá bán nền tái định cư thay đổi là do ảnh hưởng của nhà đầu tư trước đó là Công ty thép L (nay là Công ty TNHH A) năng lực kém cùng việc khiếu kiện của người dân bị thu hồi đất làm khu tái định cư kéo dài phải tăng kinh phí bồi thường bổ sung cho khu tái định cư nên ảnh hưởng tiến độ thi công cơ sở hạ tầng của khu tái định cư. Hiện nay, khu tái định cư vẫn chưa hoàn thành nhưng nhà đầu tư khu tái định cư mới hiện nay là Công ty TNHH A đang đầu tư. Do các chính sách được bồi thường theo giá mới cao hơn giá bồi thường năm 2008 nên giá đầu tư suất tái định cư cũng phải được điều chỉnh theo bảng giá do suất tái định cư được UBND tỉnh Long An phê duyệt tại thời điểm bồi thường. Xét thấy, việc mua nền tái định cư không phải là sự bắt buộc mà là sự thỏa thuận của nhà đầu tư dành cho ông T quyền lựa chọn nhận tiền hay nhận nền tái định cư khi bị thu hồi đất ở. Hơn nữa, từ năm 2008 đến nay thì ông T cũng chưa đóng tiền mua nền tái định cư, chưa giao đất và trường hợp ông T không đồng ý mua nền tái định cư thì cũng có thể nhận tái định cư bằng tiền. Trước đây theo phê duyệt cũ năm 2008 thì mức hỗ trợ tái định cư bằng tiền là 70.000.000đ, nay theo phương án mới tại thời điểm 2017 thì mức nhận tiền tái định cư là 177.220.000đ cũng hoàn toàn có lợi cho ông T. Hơn nữa, suất tái định cư bằng tiền và giá tái định cư do UBND huyện T áp dụng là hoàn toàn phù hợp Điều 27 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó, yêu cầu của ông T là không có căn cứ xem xét chấp nhận.

Về yêu cầu xem xét mua nền ưu đãi, theo phương án năm 2008 thì các hộ được mua hoặc nhận tiền ưu đãi do đất nông nghiệp bị thu hồi theo Quyết định 28/2008 của UBND tỉnh Long An. Hiện tại, Quyết định 56/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của UBND tỉnh Long An có hiệu lực nên vấn đề nền ưu đãi không còn triển khai nên việc UBND huyện T không giải quyết nền ưu đãi cho đất nông nghiệp là hoàn toàn phù hợp vì suất tái định cư và tiền nhận tái định cư bằng tiền tăng hoàn toàn có lợi cho ông T nên không xem xét chấp nhận yêu cầu này của ông T.

Ông Châu Hoàng T khởi kiện nhưng không có căn cứ chứng minh Quyết định 382/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND huyện T ban hành trái pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Hoàng T về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của UBND huyện T.

[2.2] Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy, án sơ thẩm đã nhận định và quyết định như nêu trên là có cơ sở pháp luật. Ông Châu Hoàng T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận. Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bởi lẽ đó nên giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cấp cao.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Châu Hoàng T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 61/2018/HC-ST ngày 06/03/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 30, Điều 32 và Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 74, Điều 75, Điều 83 và Điều 86 Luật đất đai; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Hoàng T về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân huyện T.

Quyết định 382/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND huyện T ban hành là đúng quy định pháp luật.

Về án phí: Ông Châu Hoàng T phải nộp 300.000đ tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào án phí tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0001192 ngày 07/3/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao(1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại
Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Long An (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- Cục THADS tỉnh Long An (1);
- Đường sự (3);
- Lưu VP(3), HS(1), NQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Minh